

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 12/6/2018

*“V/v Tranh chấp
về hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Hóa và ông Lưu Ngọc Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – DS ngày 07 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 1, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh ĐN - có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Thôn 9, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh ĐN - có mặt tại phiên tòa (chị Nguyễn Thị Q – Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Văn H và Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2017 chúng tôi có cho anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q vay số tiền là 148.500.000 đồng theo giấy vay tiền mà tôi đã gửi cho Tòa án. Trong giấy vay tiền thể hiện đến ngày 22/12/2017 anh P và chị Q phải trả cho tôi toàn bộ số tiền là 148.500.000 đồng. Nhưng khi đến hạn chúng tôi đã đến gặp và yêu cầu anh P và chị Q trả theo như giấy mượn tiền trên thì anh P và chị Q không chịu trả. Anh H và chị H không đồng ý cho anh P và chị Q trả dần

mà trả một lần.

Do đó, tôi làm đơn khởi kiện ra TAND huyện Tuy Đức để buộc anh P và chị Q phải trả số tiền là 148.500.000 đồng và lãi suất trong hạn từ ngày 22/4/2017 đến ngày 22/12/2017 theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/ năm là 23.760.000 đồng

Lãi suất quá hạn từ ngày 23 tháng 12 năm 2017 đến ngày 12/5/2018 theo quy định của Bộ luật dân sự là 30%/ năm;

Về án phí : anh Pg và chị Q vi phạm nên anh P và chị Q phải chịu án phí sơ thẩm

- Ý kiến của bị đơn anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q trình bày: Thừa nhận là vào ngày 22/4/2017 có nhận nợ với anh H và chị H với số tiền là 148.500.000 đồng. Số tiền này là do mua phân bón của anh H và chị H sau đó đổi chiếu sổ sách nên hai bên mới làm giấy nhận nợ ngày 22/4/2017 và hẹn đến ngày 22/12/2017 sẽ trả toàn bộ số tiền cho anh H và chị H. Nhưng do điều kiện khó khăn nên xin trả dần số tiền này thành 03 đợt vào các ngày 30/7/2018 và 30/9/2018 và 30/12/2018.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn anh H và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh P và chị Q phải trả số tiền gốc là 148.500.000 đồng; lãi suất trong hạn và quá hạn đến ngày xét xử. Bị đơn anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q thừa nhận số nợ nhưng xin trả dần trong năm 2018; không đồng ý lãi suất mà nguyên đơn đã yêu cầu yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 320 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh P và chị Q không cung cấp được chứng cứ nào khác và cũng thừa nhận số nợ là 148.500.000 đồng tiền nợ và không đồng ý cách tính lãi nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh H và chị H. Buộc anh P và chị Q phải trả số tiền là 148.500.000 đồng và lãi suất theo bộ luật dân sự năm 2015 (trong hạn là 20%/năm và quá hạn là 30%/năm) là có căn cứ và buộc anh P và chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên, tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q ; địa chỉ: thôn 9, xã DBS huyện TĐ, tỉnh ĐN. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Q vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Q.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền là 148.500.000 đồng và lãi suất theo quy định mà anh P và chị Q đã ký giấy vay nợ ngày 22/4/2017 hạn trả nợ là ngày 22/12/2017. Nhưng đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu trả nợ bị đơn không chịu trả. Do đó, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H mới khởi kiện để buộc anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền gốc là 148.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và bị đơn anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q đồng ý số nợ như nguyên đơn cung cấp nhưng xin trả dần và không đồng ý với lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu và đề nghị HĐXX tính theo quy định. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự giao nộp chứng cứ gốc là theo giấy mượn tiền ngày ngày 22/4/2017 anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H có cho anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q vay số tiền là 148.500.000 đồng hẹn đến ngày trả nợ là ngày 22/12/2017. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi thành 01 lần nhưng anh P và chị Q thừa nhận số nợ gốc và không đồng ý với lãi suất nguyên đơn cung cấp và đề nghị tính lãi theo quy định và xin trả dần trong năm 2018

[2] Trước khi anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án này ra Tòa án thì anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H có trình bày khi đến hạn trả nợ

theo giấy vay tiền ngày 22/4/2017 thì anh H và chị H có đến yêu cầu nhưng anh P và chị Q không chịu trả theo như giấy hẹn điều này thể hiện anh P và chị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 – bộ luật dân sự năm 2015;

[3] Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh P và chị Q có nợ anh H và chị H số tiền là 148.500.000 đồng. Anh H và chị H yêu cầu anh P và chị Q trả ngay thành 01 lần nhưng anh P và chị Q xin trả dần thành 03 đợt; các bên không thống nhất được với nhau về lần trả nên đề nghị giải quyết theo quy định;

[4] Giấy vay tiền ngày 22/4/2017 các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ anh H và chị H có đến gặp anh P và chị Q để yêu cầu trả nợ số cả phê nêu trên nhưng anh P và chị Q vẫn không chịu trả nên anh H và chị H mới làm đơn khởi kiện. Như vậy, anh P và chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Trong giấy vay nợ ngày 22/4/2017 hai bên có thỏa thuận lãi suất; trong quá trình hòa giải thì nguyên đơn yêu cầu anh P và chị Q phải trả lãi trong hạn với số tiền là 23.760.000 đồng (từ ngày 22/4/2017 đến ngày 22/12/2017) và lãi quá hạn là 20.000.000 đồng (từ ngày 23/12/2017 đến ngày 04/5/2018). Bị đơn là anh P và chị Q không đồng ý với lãi suất mà nguyên đơn đề nghị và đề nghị tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về lãi suất nên HĐXX tính lãi suất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 468 cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: = Số tiền gốc 148.500.000 đồng x 20%/năm x 8 tháng(từ ngày 22/4/2017 đến ngày 22/12/2017) là 19.720.000 đồng;

Lãi quá hạn: = Số tiền gốc 148.500.000 đồng x 30%/năm x 5 tháng 19 ngày (từ ngày 23/12/2017 đến ngày 12/6/2018) là 20.918.000 đồng;

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền là gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 189.138.000đồng

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; 466; 468; của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q

1. Buộc anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải trả số tiền là 189.138.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H. Trong đó tiền gốc là 148.500.000 đồng(Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng); tiền lãi trong hạn là 19.720.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/6/2018 là 20.918.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm mười tám nghìn đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Số tiền là: 9.456.900 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng). Buộc anh Trần Ngọc P và chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 9.456.900 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Trả lại cho anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H số tiền là 3.712.500 đồng (Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) mà anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000612 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hồng Chương